**ĐỨC CỦA ĐẾ VƯƠNG NHÌN TỪ CÁC PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO**

**(KHẢO SÁT TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM)**

**Tóm tắt:** Đức của đế vương là một trong những vấn đề trọng tâm được triết học, văn học cổ trung đại Trung Quốc và Việt Nam bàn luận đến. Những nội hàm của vấn đề trên như: đế -vương là người được trời lựa chọn cai trị thiên hạ và phải là người có phẩm hạnh tốt, muốn giữ thiên mệnh phải có chí đức (hiếu, nhân, minh, thành kính) và đặc biệt phải có đức hiếu sinh, đức có chức năng giao tiếp quan trọng, liên thông giữa người và trời… được thể hiện rõ qua các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, đặc biệt là hệ thống điềm triệu, mộng, tiên tri.

Từ khoá: đế vương, dự báo, điềm triệu, hiếu sinh, thiên mệnh,

Dự báo là một hoạt động phổ biến trong các nền văn hoá nhằm tránh hoạ cầu may được phát triển từ thời nguyên thuỷ, trung cổ, một số hình thức dự báo vẫn được tồn tại và sử dụng đến ngày nay. Sự đa dạng của các nền văn hoá là một trong những nguyên nhân tạo nên sự phong phú, sinh động và phức tạp của các phương thức dự báo (CPTDB), tuy vậy, bỏ qua các cách thực hiện cụ thể thì dự báo từ khởi phát đến thời hiện đại đi qua các chặng đường từ bị động đến chủ động nghĩa là ban đầu trông chờ vào dự báo phát ra từ thần thánh (thường xuất hiện trong các giấc mơ để khuyên răn, chỉ dẫn và báo tương lai) đến việc quan sát các dấu hiệu được phát ra từ trời đất, vũ trụ mà chủ yếu là các sự vật, thiên nhiên, cây cỏ, động vật, và một bộ phận con người (mà chúng ta gọi là điềm triệu) để biết các xu thế, diễn tiến của tương lai và cuối cùng là việc con người chủ động sáng tạo ra CPTDB để phòng trường hợp không chưa kết nối được với thần linh hoặc chưa kịp quan sát các hiện tượng tự nhiên, họ sẽ dùng các biện pháp cụ thể để biết được trước kết quả tương lai. Loài người đã nghĩ ra được nhiều phương cách mà phổ biến như xem tướng, xem bói bằng Kinh Dịch, tử vi, bài tarot, xem bói nội tạng động vật… Đến giai đoạn cao nhất, con người không chỉ dừng lại ở việc chủ động biết tương lai vào bất cứ thời điểm nào mà họ mong muốn (sự chủ động hoàn toàn trong thời gian biết nhờ nắm trong tay phương thuật) mà cao hơn là con người còn chủ động chọn cho mình những kết quả tốt đẹp của tương lai bằng CPTDB như phong thuỷ (lựa chọn môi trường ở và chôn cất theo mục đích) và trạch cát (chọn ngày lành để sự việc diễn ra theo ý muốn). Con đường phát triển của CPTDB cũng là con đường phát triển của tư duy loài người từ bị động đến chủ động vượt thoát phần nào khỏi sự phụ thuộc vào thiên nhiên. Bước đường, hình thức của CPTDB trên từ đời sống đi vào văn học như một chất liệu kiến tạo nên nội dung và hình thức tác phẩm. Trong văn học Việt Nam, dự báo có tần suất xuất hiện đáng ngạc nhiên trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN) là một điều đáng lưu tâm, nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi muốn đi sâu vào một vấn đề là đức của đế vương nhìn từ CPTDB. Trong quan niệm cổ trung đại, đế -vương là người được trời lựa chọn cai trị thiên hạ và phải là người có phẩm hạnh tốt: Vua là con trời nên có quyền (độc quyền) tế Giao (tức tế trời như con tế cha) giao tiếp với đấng chủ tế muôn loài và làm chủ thần linh (Thần thánh được thờ trong lãnh thổ được “định biên chế” rất ngặt nghèo, “phân cấp quản lí” chặt chẽ). Bộ Lễ, quan trọng hàng đầu trong lục bộ... phải thừa mệnh vua mà cấp sắc cho thần thánh địa phương). Uy quyền thiên tử trùm lên mọi chốn, thống nhất trong tay cả thế quyền lẫn thần quyền [19, tr. 54-55]. Khái niệm thiên tử, đế, vương, vua có ý nghĩa văn hóa biểu trưng sâu sắc giúp xác lập nền chính trị quân quyền tập trung tuyệt đối thông qua thần quyền. Họ là người có đầy đủ những phẩm chất nên được trời lựa chọn trị vì, vì thế sự tồn tại của chính quyền tập trung, chuyên chế, độc đoán của vua được lí giải bằng sự lựa chọn, “phê chuẩn” thiêng liêng của trời. *Kinh Thi* (Tiểu nhã, Bắc sơn) có câu: “Phổ thiên chi hạ, Mạc phi vương thổ, Suất thổ chi tân, Mạc phi vương thần” (Tất cả đất đai dưới trời đều của vua, Người trong bốn biển đều là thần dân của vua). Đổng Trọng Thư trong *Thiên nhân tam sách* viết: “Vương giả, thừa thiên ý dĩ tòng sự” (Vương là người thừa ý chỉ của trời mà làm việc). Đế hay vương đều là người do có những phẩm hạnh nhất định được trời lựa chọn, giao phó quyền hành cai trị thiên hạ. Khái niệm đức trong các văn bản cổ đại Trung Quốc có thể chia thành hai nhóm quan trọng. Nhóm đầu thuộc về đức của Thiên (trời), có khi gọi mở rộng là Thiên địa (trời đất); nhóm thứ hai nói về đức của đế (vương), kẻ tiếp tục đức của trời đất trong nhân gian, thiên hạ. Trong đó, Đức của Trời (Trời đất) là hiếu sinh (yêu sự sống). Triết học phương đông cổ đại đề cao sự thống nhất giữa con người và vũ trụ, được khái quát bằng công thức “thiên nhân hợp nhất” (người và trời là một thể). Đế vương là người có những phẩm chất đặc biệt được trời lựa chọn để uỷ nhiệm quyền lực cai quản thiên hạ. Theo nhận xét của Martynov, *đức có chức năng giao tiếp quan trọng.* Ý nghĩa của đức đế vương xuất hiện trong CPTDB tập trung vào những vấn đề trọng tâm sau:

1. *Trong quan niệm cổ trung đại, đế -vương là người được trời lựa chọn cai trị thiên hạ và phải là người có phẩm hạnh tốt*. Phẩm hạnh này được xuất hiện ngay từ những hình ảnh có tính chất tượng trưng của điềm báo sinh thánh vương. Trong *Hương Lãm Mai đế kí*  có chi tiết kể về giấc mơ của người mẹ về viên ngọc kê sơn bích, được người cha giải thích ý nghĩa: ngọc bích nhận ở tay hốt nhiên rơi xuống đất vỡ tan, bắn tung toé, có tiếng kêu vang vang, đó là cái ý tiếng tăm vang dậy, chấn động người đời. Còn gà (kê) thì đứng đầu loại có cánh, lại thêm năm sắc loé mắt, dùng để làm vật báu có cái điềm lành của con tinh điểu mang năm đức tốt bèn đặt tên là Phượng, tự là Thúc Loan, đó là để ghi lại cái điềm được thấy trong giấc mộng. Điềm báo qua giấc mộng trên có hai chi tiết nhỏ đáng lưu ý: thứ nhất, được tặng báu vật liên quan đến tinh con vật mang ý nghĩa tượng trưng năm đức tốt là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín; thứ hai hình tượng trên được chứa trong vật liệu bằng ngọc, mà theo *Lễ kí,* ngọc có ý nghĩa chỉ về phẩm chất đạo đức: “hảo tâm, cẩn trọng, chính trực, phong nhã, hài hoà, chân thực, thành tín, và cũng là biểu hiện của trời và đất và là *con đường của đạo đức*” [1, tr. 638]. Như thế, giấc mơ của người mẹ về người con sắp sinh có những chi tiết liên quan đến đức mang ý nghĩa biểu trưng điềm làm vua sau này của Mai Thúc Loan.

*2. Bàn về nội hàm Đức của đế vương và đế vương muốn giữ thiên mệnh phải có chí đức (hiếu, nhân, minh, thành kính) và đặc biệt phải có đức hiếu sinh.* Đức của Trời (Trời đất) phản ánh nhận thức văn hóa của xã hội nông nghiệp: sự sinh sôi, phát triển đều dựa vào đức sinh của Trời đất. *Chu Dịch, Hệ từ* của Nho gia nói: “địa thế Khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật” (đất hình tượng Khôn, có đức hậu chuyên chở muôn vật; quân tử mô phỏng theo đức dày của đất mà chuyên chở muôn vật). Cũng thiên *Hệ từ có viết* “Thiên địa chi đại đức viết sinh” (đức lớn của trời đất là sinh). Triết học phương Đông cổ đại đề cao sự thống nhất giữa con người và vũ trụ, được khái quát bằng công thức “thiên nhân hợp nhất” (người và trời là một thể). Đế vương là người có những phẩm chất đặc biệt được trời lựa chọn để uỷ nhiệm quyền lực cai quản thiên hạ. Đế là người có khả năng liên thông với trời đất. *Thượng Thư, đại Vũ mô* nói về đức của vua Vũ: “Duy đức động thiên” (đức của vua Vũ làm Trời cảm động). *Kinh Dịch*: “đức tượng thiên địa viết đế” (Người có đức giống đức của Trời đất là đế). “Đế vương chi đức phối thiên địa” (đức của bậc đế vương sánh với đức của Trời đất-*Trang Tử, Thiên địa*). Tư tưởng về đức của đế vương sánh ngang đức trời đất phản ánh quan niệm triết học vạn vật nhất thể, thiên nhân hợp nhất thời cổ đại. Trời chỉ lựa chọn những người có đức để ủy nhiệm cai trị thiên hạ: “Hoàng thiên vô thân, duy đức thị phụ” (Trời không thân với ai, chỉ giúp cho kẻ có đức- *Thượng thư, Thái Trọng chi mệnh*). Cách diễn ngôn này của Nho gia có ý nghĩa hai mặt, một mặt, dùng thần quyền (uy lực của Trời) để hợp pháp hóa vương quyền, đế quyền-một kiểu diễn ngôn có lợi cho đế vương và triều đại thống trị. Mặt khác, diễn ngôn lại hàm ý đòi hỏi rất cao đối với tu dưỡng đạo đức của chính đế vương- điều có lợi cho nhân dân, thuộc về tư tưởng dân bản (lấy dân làm gốc). Trời có ý chí và tình cảm, song vì trời sinh ra muôn dân nên trời quan tâm đến ý dân. Thiên tử phải tự giác tu dưỡng theo thiên ý mà thiên ý lại là ý dân [16], “về mặt lí thuyết, cả nhà Nho lẫn hoàng đế đều chấp nhận “ý dân là ý trời”, luôn luôn phải quan tâm đến dư luận, đến ca dao, đồng dao, sấm ngữ” [19, tr. 60]. Phẩm chất quan trọng của đức được nhấn mạnh như đã nói ở trên là đức hiếu sinh. Khi đức của đế vương đã thông với đức của Trời đất thì tất nội dung trước tiên là hiếu sinh. Theo quan niệm cổ đại,“vô luận người hay động vật, thực vật, hễ có sinh mệnh, đều có quyền sinh tồn, nên người có khả năng sinh và dưỡng vạn vật gọi là người có đức, trời đất đã sinh dưỡng vạn vật nên có thể gọi đó là “đại đức”, còn bậc đế vương dùng quyền lực của mình để mở rộng chế độ bảo hộ chúng sinh trong khu vực thống trị của mình có thể gọi là thay trời thực hiện quyền lực nên mới gọi đế vương chi đức phối thiên địa”. Điềm lành xuất hiện báo hiệu xuất hiện thánh đế (vua mang đặc điểm trời, thánh), vua có những phẩm chất hiếu sinh, cứu giúp…, ứng xử với quân, dân, dùng người. Phẩm chất quan trọng của đức được nhấn mạnh như đã nói ở trên là đức hiếu sinh. Khi đức của đế vương đã thông với đức của Trời Đất thì tất nội dung trước tiên là hiếu sinh. Trong VXTSTĐVN kể về chuyện các vị vua thủa còn dựng nghiệp, khi có biểu hiện về đức hiếu sinh liền được trời cảm ứng mà cứu giúp (sự cứu giúp này cũng là điềm lành báo trước ngôi vị đế vương sau này của họ). Trong *Việt Lam xuân thu*, các cụ già nhận định về Lê Lợi: “Mây che linh nghiệm, mưa đổ kịp thời, đây chính là vị chúa nhận mệnh trời làm vua” là vì sự kiện lúc đánh nhau với quân Hồ ở Thanh Hà, nước sông tự nhiên cạn hết, thuyền không đi được. Lê Lợi ngẩng mặt lên trời khấn rằng: Lợi tôi vì đân diệt giặc, không ngờ bị nguy khốn ở đây, cúi mong Hoàng thiên, Hậu thổ cứu đám sinh linh (hiếu sinh). Khấn xong trời liền đổ mưa, nước song dâng cao đến mấy thước khiến cho các mái chèo khua được nước. Tương tự, trường hợp Nguyễn Ánh lúc sắp chết khát giữa biển ngước nhìn trời thầm khấn:- Nếu tôi có mệnh làm quốc vương thì cầu trời cứu mệnh cho người trên chiếc thuyền này, vừa dứt lời thì gió ngừng sóng lặng, rồi một dòng nước trong vọt lên. Thế Tổ nếm thử thấy vị nước ngọt. Quân sĩ trên thuyền thỏa sức uống cho đến lúc hết khát. Thế Tổ sai hứng đầy bốn năm chum dự trữ, sau đó nước biển lại mặn như cũ. Thuyền của Thế Tổ lại quay về đảo Phú Quốc, các hải thuyền theo hộ Thế Tổ cũng lần lượt trở về đảo. Sau này Tham tri bộ Hộ Ngô Vị vâng mệnh soạn biểu mừng công bình định có câu: Trong gian nan có Long Khâu, Phú Đảo, mừng khắp nơi như Câu Tiễn với Cối Kê. Giữa biển khơi gặp nước ngọt, gió xuôi, được trời giúp tựa Lưu Bang qua Thư thủy (*Hoàng Việt long hưng chí*). Hai vị chúa công, trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”, sống chết cận kề vẫn lo lắng cho mạng sống của những người theo phò mình, cầu xin trời giúp đỡ. Tấm lòng đó được trời hồi đáp bằng “điềm cho nước” dự báo tương lai (nước chỉ là vật chất ở hiện tại nhưng lại là giang sơn, đất nước tương lai). Ta thấy rõ điều trên trong *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập I, quyển 1-6, có ghi về Nguyễn Hoàng: Lúc Nguyễn Hoàng cùng những người đồng hương ở Tống Sơn, những người nghĩa dũng ở Thanh Hóa mới vào đến bãi cát Ái Tử, người dân ở đây đã đem dâng 7 chum nước trong. Nguyễn Ư Dĩ mừng rỡ nói: “Đấy là phúc trời cho đó. Việc trời tất có hình tượng. Nay chúa thượng mới đến mà dân đem "nước" dâng lên, có lẽ là điềm "được nước" đó chăng*”* [tr. 76]*.*

Thiên tử là con trời, mô phỏng, bắt chước trời trong trị lý quốc gia, tất trước hết phải tu đức hiếu sinh. Đức hiếu sinh áp dụng vào thực tiễn chính trị của đế vương có thể biểu hiện trước hết trong việc lựa chọn đức trị chứ không chọn hình chính. Đổng Trọng Thư giải thích thế nào là “dĩ đức phối thiên” như sau “hậu kỳ đức nhi giản kỳ hình, dĩ thử phối thiên” (Dày đức mà đơn giản hình, lấy đó để sánh với trời” (*Xuân Thu phồn lộ, Cơ nghĩa*). Ông lập luận rằng cái lớn của đạo trời chính là đạo âm dương. Dương là đức (tức là đức trị), âm là hình (hình phạt, pháp trị). Hình chủ sát mà đức chủ sinh, nên theo trời thì phải thực hành đức trị chứ không thiên về hình phạt của pháp trị. Nếu vương giả làm chính trị mà chọn hình pháp thì không thuận với trời (*Thiên nhân tam sách*). Tư tưởng đức trị (hiếu sinh) có liên quan mật thiết với tư tưởng dân bản (lấy dân làm gốc) như hai mặt của một vấn đề. Khổng Tử, Mạnh Tử đều so sánh và chỉ ra sự ưu việt của đức, lễ so với chính và hình trong trị quốc của vương giả. Khổng Tử nói “Lãnh đạo bằng chính lệnh, xếp đặt bằng hình phạt, dẫn không dám làm bậy nhưng cũng không biết xấu hổ (vì làm bậy); lãnh đạo bằng đức, xếp đặt bằng lễ, dẫn biết xấu hổ mà lại nghiêm chỉnh” (*Luận ngữ, Vi chính*). Mạnh Tử nói “Dùng bạo lực để qui phục dân, người ta sẽ không tâm phục mà sức mạnh bạo lực cũng không đủ; dùng đức để qui phục dân, lòng dân sẽ vui mừng mà thành thực qui phục” *(Mạnh Tử, Công Tôn Sửu thượng*) (Dẫn theo Trần Nho Thìn) [16]. Trong các truyền thuyết về Lê Lợi và trong *Việt Lam xuân thu* đều kể về chi tiết Lê Lợi được trời ban cho thanh gươm có chữ Thuận Thiên và sau khi dẹp xong giặc, lên ngôi thì có chi tiết trả gươm cho rùa vàng. Thanh gươm ở đây mang ý nghĩa biểu tượng là sức mạnh của thái dương, mặt trời, của vua chúa [1, tr. 369], [1, tr. 489], thanh kiếm còn biểu tượng cho sự tối cao và đại lượng: “sự kết hợp trong lí trí hai thuộc tính: lòng nhân từ và quyền lực” [1, tr. 490]. Thanh gươm là vật thiêng của trời được giao vào tay người anh hùng có đức độ để tiêu huỷ sự bất công, độc ác, tối tăm đồng thời xây dựng, kiến lập, duy trì hoà bình và công lí đem lại hạnh phúc cho muôn dân: Vật thiêng đây vốn của trời trao/ Tỏa chiếu hào quang tận Đẩu, Ngưu/ Ba thước Long tuyền nơi đức độ/ Đế vương vẫn thuộc chúa Nam châu [8, tr. 108]. Gươm đao tượng trưng cho bạo lực phải để vào tay người có đức thì nó mới có thể thực hiện sứ mệnh tốt đẹp là trừ gian diệt bạo… Điềm được gươm nhờ vào đức độ của Lê Lợi là điềm báo lên ngôi sau này. Và khi lên ngôi, trả lại gươm vì trong thời bình dùng đức trị chứ không dùng pháp trị.

*3. Liên quan đến khái niệm đức, có vấn đề chủ trương chính trị “vô vi”.* Khổng Tử (*Luận ngữ, Vệ Linh công)* có nói đến thuật vô vi: “Vô vi nhi trị kỳ Thuấn dã dư? Phù hà vi tai ? Cung kỷ chính Nam diện nhi dĩ hĩ” (Vô vi mà thịnh trị đó là đường lối của vua Thuấn đó sao ? Làm như thế nào vậy ? Chỉ cần bản thân cung kính hướng về phía Nam là đủ). Ta hiểu chính trị vô vi của Nho gia thế nào? Chính trị vô vi là kết quả của *đức trị*, đế vương tu dưỡng đạo đức bản thân để cai trị thiên hạ (tu kỷ trị nhân). Khổng Tử nói “Chính giả, chính dã” (Làm chính trị tức là làm bản thân ngay thẳng (*Luận ngữ, Nhan Uyên*). Đây là tư tưởng “chính quân”, vua “chính” thân tâm mình. *Mạnh Tử, Ly lâu thượng* có viết: “quân chính nhi mạc bất chính…chính quân nhi quốc định hĩ” (Vua mà ngay thẳng thì không ai dám bất chính…vua chính thì nước định). Tuân Tử coi vua là ngọn nguồn, “nguyên thanh tắc lưu thanh, nguyên trọc tắc lưu trọc” (Nguồn trong thì dòng trong, nguồn đục thì dòng đục-*Tuân Tử, Quân đạo*). Các hình ảnh được Nho gia sử dụng đều diễn tả ý niệm về vị trí trung tâm của nhân vật đế vương, từ trung tâm này tỏa phát ra từ trường cảm nhiễm muôn dân muôn vật trong không gian thiên hạ. Khổng Tử nói “Làm chính trị mà dựa vào đức [thì bậc vương giả] như sao Bắc đẩu đứng nguyên một chỗ mà các vì sao khác châu tuần về” (*Luận ngữ, Vi chính*). Ông lại nói: “Bề trên hiếu lễ thì dân không dám bất kính, trên hiếu nghĩa thì dân không dám không phục, trên hiếu tín thì dân không dám không thành thực. Nếu làm được như vậy thì dân tứ phương cõng con cái theo về”. Đức trị yêu cầu bản thân bậc quân chủ phải “chính”, và nếu “bản thân chính thì không cần ra lệnh mà mọi người đều hành động; nếu bản thân bất chính thì tuy ra lệnh mà không ai theo”(*Luận ngữ, Tử Lộ*) [16] (Dẫn theo Trần Nho Thìn). Trong *Lã Thị Xuân Thu* cũng bàn đến sức mạnh của đức đế vương: “Đức là căn bản của muôn dân. Trăng là căn bản của loài trai sò. Trăng tròn thì thịt của trai sò béo, thịt của trai sò đầy căng béo nhẫy. Trăng tối ba mươi thì thịt trai sò rỗng tuếch, thịt trai sò sẽ hao gầy. Trăng biến đổi trên trời còn thịt trai sò biến đổi dưới vực. Đức hạnh của thánh nhân biến đổi ở mình, mà người trong bốn phương (học theo thánh nhân) sẽ đòi hỏi mình theo điều nhân [18, tr. 183- 15]. Chúng ta có thể thấy biểu hiện của tư tưởng này trong những chi tiết trong VXTSTĐVN như trong *Việt Lam xuân thu*, Lê Thiện lúc tới Tản Viên, lúc leo lên núi nhìn thấy cát tinh hội tụ nơi sao Khuê liền đoán ý chừng Lê Lợi ở nhà được hiền sĩ tới giúp. Đức của Lê Lợi khiến các bậc anh hào bốn phương hội tụ tới giúp rập để hoàn thành nghiệp đế vương được thể hiện ra thành điền lành qua các tinh tú. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí*, đức của chúa Nam triều toả rộng thành năng lượng khiến cho Duy Từ đến gần phủ chúa Nam triều, quả nhiên thấy có khí lành hội tụ bốc lên trời cao, thấy thế cả mừng vì biết đã tìm được minh chúa. Những chi tiết này có vẻ kì ảo, duy tâm nhưng cũng có một cốt lõi của hiện thực. Các vị đế vương (thủa chưa lên ngôi) này đều là những người có phẩm chất tốt, có lòng chiêu hiền đãi sĩ để thống nhất, đem lại cuộc sống hoà bình cho nhân dân nên được các các bậc anh hào, nhân tài tìm đến giúp sức.

*4. Đức có chức năng giao tiếp quan trọng, được thể hiện ra bằng các phương thức dự báo.* Ý nghĩa của chữ vương nằm ngay trong cách cấu tạo chữ gồm ba nét ngang chỉ thiên, địa, nhân và một nét sổ dọc nối ba nét ngang mang ý nghĩa chỉ vua là người thay trời cai trị muôn dân, nối liền đất, người với trời. Trước hết là giao tiếp theo hướng từ dưới lên trên, từ đế vương lên trời. Các văn bản cổ đại nói về hiệu dụng giao tiếp của đức thường dùng những chữ như *thông (thiên địa), đạt (thượng huyền), cảm, động (thiên), báo…*. Theo hướng giao tiếp từ trên xuống, từ trời xuống người có các chữ như *giám (thiên giám), giáng tường thụy, phụ*. Đức hiếu sinh của đế vương được trời thấu hiểu, cảm động (dĩ đức động thiên), trời sẽ ban phúc lành. Nhưng một khi đế vương vô đạo, thất đức, trời sẽ thông báo ý chỉ khiển trách của mình qua các điềm tai dị trước khi cách mệnh. Thánh thần giáng phúc cho người có đức mà gieo tai họa cho người không có đức: “Thần phúc nhân nhi họa dâm” (Thần giáng phúc cho người có đạo Nhân mà giáng họa cho kẻ dâm loạn-*Tả truyện, Thành công ngũ niên*). Trong *Gặp tiên ở hồ Lãng Bạc,* vị tiên báo cho vua Lê Thanh Tông rằng: Phúc trạch nhà Lê, vương tử được hưởng nhiều hơn cả. Duy chỉ phải phòng giữ một điều trong chỗ chăn gối mà thôi [8, tr. 596] là nói đến việc điều tiết chuyện phòng the, chăn gối không để quá độ ảnh hưởng đến đức và phúc.Trong *Xuân Thu phồn lộ,* Đổng Trọng Thư bàn về tai, dị. Tai họa (ví dụ động đất, sao chổi, hạn hán) xuất hiện được coi là sự cảnh báo, là sự khiển trách của trời; dị (ví dụ quái thai, quái vật dị thường) được coi là thể hiện uy của trời. Nếu khiển trách mà không biết sợ thì sẽ ra uy để răn đe. Ông cho rằng các điềm tai dị đều phản ánh những lỗi lầm, thiếu sót, thất đức của người lãnh đạo mà trời giáng các điềm đó cảnh báo, khiển trách cho kinh sợ, nếu không kịp thời sửa trị thì tai họa sụp đổ, mất nước, tức mất chính quyền sẽ diễn ra. Trong nội hàm tư tưởng dân bản của phạm trù đức trị, có một ý về “cách mệnh”. Trời đã ủy quyền cho người có đức cai trị thiên hạ thì trời cũng có thể lấy lại ủy quyền đó khi người được ủy quyền đã thất đức, không còn xứng đáng nữa. Nho gia nói nhiều về cách mạng Thang Vũ. Chu Dịch, quẻ Cách: “Thiên địa cách nhi tứ thời thành, Thang Vũ cách mạng , thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân, cách chi thời đại hĩ tai”. Cách là thay đổi, cũng như các mùa thay đổi là qui luật khách quan, là kết quả của “thiên địa cách”. Thang vương đời Thương phóng Kiệt, Vũ vương nhà Chu phế Kiệt, đó là cách mệnh thuận thiên ứng nhân. Thương cách nhà Hạ vì Hạ Kiệt (vua Kiệt nhà Hạ) “đại dâm dật” (quá sức phóng túng); nhà Chu thay nhà Thương vì Trụ vương nhà Thương “đản dâm quyết dật” (*Thượng Thư-đa sĩ*). Vì thế Chu Công sáng tác thiên “Vô dật” (không lầm lỗi), răn dạy kẻ thống trị Chu sơ không phạm vào điều lầm lỗi –“quân tử sở kì vô dật”. Đổng Trọng Thư nói: “Thiên tử bất năng phụng thiên chi mệnh, tắc phế nhi xưng công” (Thiên tử không thể phụng mệnh trời thì trời tất phế bỏ mà để cho mọi người chọn lựa (*Xuân Thu phồn lộ, Thuận mệnh*). Khái niệm cách như là sự cảnh báo nghiêm khắc cho những bậc đế vương vô đạo. Về chức năng giao tiếp của đức của đế vương có hai dạng sau:

a, *Chức năng giao tiếp từ trên xuống dưới của đức được hiển thị bằng CPTB mang ý nghĩa báo điều lành*: Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép khá đa dạng điềm lành xuất hiện như: rồng hiện, vết chân thần hiện, có người dâng cống voi trắng, hổ trắng, hươu trắng, chim sẻ trắng, quạ trắng, rùa có chữ Hán trên mai. Trong đó mô típ rồng vàng hiện chiếm (cộng 24 lần (*Đại Việt sử lược* ghi nhận 59 lần)) có vẻ như được lạm dụng trong những phần sử liệu chép về triều nhà Lý ở Việt Nam. Nguyên do có thể như Ngô Sĩ Liên (dưới góc nhìn Nho gia) nhận định, các vị vua triều Lý đều ưa thích điềm lành, đặc biệt là các vua Lý Nhân Tông: “Mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt”; Lý Thần Tông: “quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng quý gì”. Bên cạnh rồng vàng thì loài rùa mắt có sáu ngươi, trên mai có viết chữ Hán cũng nhiều lần được ghi nhận (tổng cộng 13 ghi chép). Nội dung chữ Hán xuất hiện mai rùa được diễn giải hầu hết đều mang tính củng cố vương quyền, tôn vinh hoàng đế như “thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế”, “vương công dĩ pháp”, “nhất thiên vĩnh thánh”, “thiên tử vạn niên”. Sự xuất hiện các điềm về rùa xuất phát từ ý nghĩa của rùa trong biểu tượng văn hoá thế giới và Việt Nam. Rùa mang ý nghĩa vũ trụ, tượng trưng cho sự ổn định vững chãi, sự trường thọ, rùa là vị thần sáng thế, anh hùng khai hoá, tổ tiên huyền thoại. Tương truyền, rùa thần ở Lạc thuỷ trên lưng có số từ một đến chín, thánh nhân bắt chước bày thành cửu trù. Đó là mở ra nền văn minh thịnh trị, văn minh cho muôn đời. Ở Phương Đông, rùa còn là biểu tượng của sự hiểu biết, nhận thức, bói toán. Rùa còn không chỉ dùng để xem vết nứt trên mai mà còn được áp dụng trong cách xem tướng của người xưa, cổ nhân cho rằng rùa biết âm dương, xem được hình đức, biết được lợi hại, đoán được hoạ phúc. Thiên Luận hoành, Bốc phệ viết “Tử Lộ hỏi Khổng Tử rằng: Xương vai con lơn, xương bắp vế con cừu, có thể nhìn thấy vết nứt triệu chứng cây sậy cây hanh hao có thể đếm được số; hà tất phải dùng cỏ thi với mai rùa”, Khổng Tử đáp: “Thi là nói kỳ, quy là nói cựu, muốn làm sáng tỏ điều còn hồ nghi, thì phải hỏi bậc kỳ cựu vậy” [12, tr. 18- 19]. Điềm rồng và rùa xuất hiện trong các câu chuyện hay thời của đế vương được lí giải mang khuynh hướng với đạo đức của vua, những gì hợp Lễ, Nghĩa thì xuất hiện điềm lành. Nguyên nhân xuất hiện điềm lành, theo Hán Nho Đổng Trọng Thư quan niệm: “Vua ngay thì nguyên khí hòa thuận, mưa gió đúng lúc, sao sáng hiện, rồng vàng bay xuống. Vua không ngay thì trên trở trời, tặc khí xuất hiện”, “Việc tốt kéo theo điều tốt, việc xấu kéo theo điều xấu, cùng phẩm loại thì tương ứng dấy lên [14, tr. 107]. Đế vương sắp nổi lên thì điềm tốt đẹp thấy trước, đế vương sắp diệt vong thì sự yêu nghiệt cũng thấy trước”*.* Chính vì vậy, các ghi chép về điềm lành cũng tương tự như ghi chép về điềm tai dị, đều được liên hệ trực tiếp tới nền đức chính của quân vương. Quan niệm trên cũng có sự tương đồng với vua ở phương Tây. Một thánh thư được gán cho là của thánh Patrice đã liệt kê trong số những điều may mắn mà triều đại của một vua tốt mang đến: “Thời tiết tốt, mặt biển lặng, các vụ mùa bội thu, và cây cối sai trĩu quả”. Ngược lại, nạn đói, đàn bò cái vô sinh, quả trên cây hư thối, và tình trạng thiếu hạt giống được coi là những chứng cớ không thể chối cãi của một triều đại xấu [3, tr. 154-155]. Ở một chặng đường nào đó trong lịch sử của xã hội nguyên thuỷ, người ta thường tin những ông vua nắm được quyền năng siêu nhiên hoặc đó là hiện thân của một ông thần. Sự hiện diện của vua ở ngôi vị có khả năng điều chỉnh dòng chảy của tự nhiên. Vua chịu trách nhiệm trực tiếp về thời tiết xấu, về những vụ mùa thu hoạch thất bát và những tai hoạ khác loại đó: người ta giả định là dòng chảy của tự nhiên chỉ phụ thuộc một phần nào đó ý chí của nhà vua: con người nhà vua, được coi như là trung tâm động lực của vũ trụ, từ đó toả ra bốn phương trời, tác động của sức mạnh đến mức chỉ một cử chỉ nhỏ của nhà vua cũng có thể tức thì tác dộng và làm rối loạn nghiêm trọng một yếu tố tự nhiên nào đó. Nhà vua là điểm tựa cố định của chiếc đòn bẩy thế giới và bất kì một điểm thất thường nhỏ nhất nào của vua cũng có thể làm đảo lộn thế cân bằng tinh tế [3, tr. 283].

b, *Chức năng giao tiếp từ trên xuống dưới của đức được biểu hiện ra bằng CPTDB về điều hung, chủ yếu là điềm tai dị*. Tai dị là những hiện tượng tự nhiên dị thường tai hại, được coi là sự răn đe của trời đất. Đổng Trọng Thư quan niệm: “Vạn vật trong trời đất mà có sự biến đổi bất thường thì gọi là Dị. Sự thay đổi nhỏ thì gọi là Tai. Tai thường đến trước mà Dị thì theo sau. Tai là sự khiển trách của Trời. Dị là uy của Trời vậy. Khiển trách mà vẫn không biết thì sẽ dọa nạt bằng uy”; “Gốc của điềm tai dị đều nảy sinh ở sự sai trái của nhà nước. Sự sai trái của nhà nước mới nhen nhóm, Trời liền hiện ra điềm tai hại để cảnh cáo. Cảnh cáo mà vẫn không biết thay đổi thì lại hiện ra điềm quái dị để dọa nạt. Dọa nạt mà vẫn không biết kinh sợ thì tai ương sẽ ập tới” [14, tr. 105]. *Sử kí, Hiếu văn bản kỉ* viết về Hiếu Văn Hoàng đế: “Trời sinh nhân dân, vì nhân dân mà *đặt vua* để nuôi dưỡng và cai trị dân: nếu nhà vua không có đức, thi hành chính trị không công bình thì trời ra tai hoạ cho nhà vua biết để răn đe về chỗ trị dân” [17, tr. 170]. Trong đó, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, Sao Chổi xuất hiện, động đất được cho là những điềm báo hung dữ bậc nhất trong các hiện tượng. Đặc biệt là, các hiện tượng liên quan tới Mặt Trăng, Mặt trời, bởi quan niệm xưa cho rằng: “Mặt trời là tinh của thái dương, chủ việc sinh dưỡng ân đức, tượng trưng cho bậc quân vương [...]. Nhật thực, âm xâm phạm dương, là tượng bề tôi lấn át vua, có họa vong quốc [...]. Mặt Trăng là tinh của thái âm, phối với Mặt trời, tượng trưng cho bậc nữ chủ. Đem so với nền đức chính thì mang nghĩa hình phạt. Đem liệt vào triều đình thì tương tự phận bề tôi” (*Tấn thư, thiên văn chí*) và ngay trong biểu tượng văn hoá thế giới, trong khoa chiêm tinh, một trong những ý nghĩa quan trọng nhất của Mặt trời là “quyền uy” [1]. Tại Việt Nam, các hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực, Sao Chổi mọc, động đất, sao sa,... đều được coi là hiện tượng tai dị, có liên hệ trực tiếp tới chính trị và sự tồn vong của vương triều. Lời tấu của các quan triều Lê Kính Tông ghi nhận: Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hòa mà đến thế chăng? (*Đại Việt sử kí toàn thư*)*.* Trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, các ghi chép về nhật tượng (các hiện tượng liên quan tới Mặt trời) chiếm số lượng lớn nhất trong các ghi chép về thiên tượng (nhật thực tổng cộng 70 lần). Ngoài hiện tượng nhật thực, các hiện tượng liên quan đến Mặt trời còn có: mặt trời có hai quầng, mặt trời rung động, mặt trời sắc đỏ, hai mặt trời cùng mọc*.* Nguyên nhân của tai dị là do người đứng đầu lỗi đức: tàn bạo, hoang dâm, xa xỉ, không chăm lo chính sự.Trong *Việt Lam xuân thu*, yêu tinh của cây ngô đồng báo trước việc Hồ Quý Ly mất nước là do tàn bạo:Thiếp vốn là trích tiên có dịp gặp ông. Vì ông bạo ngược rồi sẽ bị trời trừng phạt [9, tr. 39] còn trong *Nam triều công nghiệp diễn chí* ghi lại sự kiện: Tối ngày Mậu Tý, mồng 1, tiết trọng thu, có ngôi sao sa dài năm trượng, trông tựa tấm lụa, sáng rực như ánh chớp, rọi chiếu vào nhà, khi xuống tới đất có tiếng nổ vang như sấm để cảnh báo. Chúa Mạc an nhiên không biết điềm tai biến, buông tuồng dâm dục, trễ nải chính sự, lại ham mê tửu sắc không còn biết kiêng dè. Quả nhiên sau đó bị diệt vong.

*Chức năng giao tiếp của đức từ dưới lên trên hay sự ứng xử với điềm báo của đấng quân vương*. Thời Tống Cảnh Tông, hoả tinh ở vào sao Tâm báo hiệu tai vạ nhà vua. Tử Vi đề xuất di chuyển hoạ sang tể tướng, trăm họ, mùa màng để cứu vua. Nhưng vua không đồng ý. Tử Vi quay mặt hướng bắc vái liền hai vái mà bảo rằng: “Ngôi trời rất cao, nhưng vẫn nghe được mọi lời dưới thấp. Chúa công đã nói được ba lời chí đức, trời ắt sẽ ba lần ban thưởng cho chúa công. Tối nay tất Hoả tinh sẽ rời xa sao tâm… Chúa công sẽ trường thọ thêm 21 năm nữa”. Tối hôm đó quả nhiên Hoả tinh rời xa ba xá [18, tr. 133- 134]. Thời Thành Thang có điềm xấu, sử quan xin bói quẻ, vua cho người xem bói lui mà bảo: “Ta nghe nói vật lành là điềm báo phúc, nếu được thấy điềm phúc mà vẫn không làm việc tốt, thì phúc sẽ chẳng đến nữa; vật gở là điềm báo trước hoạ hoạn, nhưng sau khi thấy điềm gở mà biết làm việc tốt thì hoạ kia cũng sẽ chẳng xảy ra”. Thế rồi vua chăm lo thiết triều sớm, bãi triều muộn, hỏi han sức khoẻ kẻ ốm đau, thăm viếng kẻ tang tóc, ra sức vỗ về trấn an trăm họ, được ba ngày thì cái hang trong sân đình biến mất. Trong hoạ có mầm phúc, trong phúc có mầm hoạ [18, tr. 131]. Như vậy, khi có điềm xấu mà vua biết giữ đức, chăm lo cho bách tín thì có thể trừ bỏ được hoạ hoạn. Ngược lại, dù được điềm lành mà trể nãi chính sự, ăn chơi vô độ, chủ quan khinh địch thì cũng có thể chuốc bại vong. An Dương Vương cậy có điềm tốt móng rồng một khi sinh lòng kiêu căng thì nước liền bị mất, việc điềm lành cũng không có ích gì.Trong lời tấu của Hữu thị lang lại bộ dâng khải lên Bình An vương cũng lấy lại hai ví dụ vừa đưa ra thời Tống Cảnh Tông, Thành Thang đã cho thấy sự ảnh hưởng của quan niệm cổ trung đại về mối liên hệ giữa đức người đứng đầu của Trung Quốc đến Việt Nam: trộm nghĩ trời xuống tai dị hay điềm lành là do ở sự có đức hay không, làm thiện thì hiện ra điềm lành, làm ác thì răn bằng tai dị. Song nhân tai dị mà sửa đức thì không hại, cho nên người xưa lấy trời để tự xử, mà kính cẩn đối với mệnh trời. Hán Văn đế khéo thuận lòng trời mà biến dị đều tiêu hết; Tống Cảnh công một câu nói thiện mà sao xấu lùi đi. Nước ta từ khi khôi phục đến giờ, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị thường có luôn. Như năm nay mùa thu trời mưa xuống than đen, đó là tai dị, mà đương thì không dám nói là tai dị, lại bảo là mưa gạo, có phải là làm đến khí hoà như đời Hoàng đế mà trời mưa ra thóc đâu. Trời mưa xuống cát vàng, đó là quái lạ, mà thuật sĩ lại thích nói đó là điềm lành, bảo là mưa vàng, có phải vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa vàng đâu. Hoặc là trời đã tỏ sự răn bảo mà chưa biết tỉnh ngộ, cho nên từ hạ tuần tháng chín đến thượng tuần tháng này, sao lạ hiện ra phương đông nam, ai trông thấy cũng phải sợ hãi. Đó không phải là điềm lạ nhỏ, có lẽ là bởi đức chưa sửa lại, chính còn thiếu sót mà đến thế chăng? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước, mệnh lệnh ban bố đều không thể theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm chăm tàn ngược, vét hết tàu sản của dân. Những tiếng than sầu khổ cũng đủ động đến trời, mà trời răn bảo bằng điềm quái lạ, người làm chúa trông thấy phải tự xét [5, tr. 772]. Hữu thị lang lại bộ đã nêu lên hiện thực về chính sự đương thời để lí giải về tai dị: “chính sự thi hành không bằng năm trước, mệnh lệnh ban bố đều không thể theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm chăm tàn ngược, vét hết tàu sản của dân. Những tiếng than sầu khổ cũng đủ động đến trời” và giải pháp đề xuất là: “nhân tai dị mà sửa đức thì không hại”. Trong *Việt sử lược* có ghi lại chi tiết Nhân Tôn Tuyên Hoàng đế khi thấy điềm tai dị: tháng 2 ngày mồng 2 xuống chiếu rằng: Hạ lệnh cho hữu ty cùng bọn quân nhân đều phải hết lòng bày tỏ những điều có thể hồi được lòng trời, hết được tai biến [5, tr. 187.188], nhiều đoạn trong bộ này cũng ghi lại lời bình của các sử gia đề xuất về cách ứng xử của quân vương khi có điềm tai dị: “Phàm người làm vua một nước, kính cẩn sự răn bảo của trời, lo lắng hết việc của người, là cái đạo vãn hồi sự tai biến của trời đất vậy” (Ngô Sĩ Liên) [5, tr. 452].

Đức của đế vương là một trong những vấn đề quan trọng được triết học cổ trung đại bàn đến. Tư tưởng cốt lõi là vua nhận được mệnh trời cai trị thiên hạ phải là người có đức, mà yếu tố quan trọng nhất là hiếu sinh. Đức của vua có khả năng tác động đến trời khiến trời giáng xuống những dự báo điều lành như là phần thưởng, sự đồng tình hoặc những tai dị như là sự nhắc nhở cảnh cáo. CPTDB trong VXTSTĐVN khi kể về các vua chúa đều được nhìn nhận, soi chiếu dưới góc nhìn của Đức. Đây không phải là một cách kể chuyện bình thường mà là một diễn ngôn mang màu sắc văn hoá chính trị. Các nhà Nho đồng thời cũng là các nhà văn để chi phối lại sự độc đoán của hoàng đế và triều đình chuyên chế đã tạo ra diễn ngôn về đức đế vương vừa để bảo vệ ngôi vị hoàng đế vừa đem lại lợi ích cho nhân dân.

ETHICS OF THE KING IN THE METHODS OF DIVINATION

(A SURVEY ON VIETNAMESE MIDDLE-AGE NARRATIVE PROSE)

**Abstract**: Ethics of the King is among the essential subjects mentioned in phylosophy, early middle-age Chinese and Vietnamese literature. The content of the above topic consists of the definition of the King. The King is the person who is chosen by the Heaven to rule the people and must have good conduct to be able to fulfill the given mandate. He must possess filiality, humanity, knowledge and politeness, and especially he must respect the life of other people and other creatures, which is an important characteristic that has important communication function to connect between the people and the Heaven. These have been illustrated in the methods of divination in Vietnamese middle-age narrative prose, especially through the system of omen and prophet.

**Keywords:** king, divination, omen, heaven mandate.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant A.(2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
2. Nguyễn Khoa Chiêm (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga giới thiệu) (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, tr.564.
3. Jame Geore Frazer (2007), *Cành Vàng, bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy*, Nxb Lao Động.
4. A.Ja. Gurevich (1996), *Các phạm trù văn hóa trung cổ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.188.
5. Khuyết danh (Trần Quốc Vượng dịch và chú giải) (2005), *Việt sử lược,* Nxb Thuận Hoá, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ đông tây, Huế.
6. Ngô Sỹ Liên (1976), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, H.
7. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, Nxb Thế giới, H.
8. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 2, Nxb Thế giới, H.
9. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 3, Nxb Thế giới, H.
10. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết ViệtNam,* tập 4, Nxb Thế giới, H.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục tiền biên Tập 1*, Nxb Sử học, Hà Nội, tr. 346
12. Lê Văn Quán (2008), *Chu dịch- vũ trụ quan*, Nxb Văn hóa thông tin, tr.98-112.
13. Ngô Thì Sĩ (2012), *Đại Việt sử kí tiền biên*, Nxb Hồng Bàng, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ đông tây, Hà Nội
14. Nguyễn Hữu Sử, Trần Quang Đức (2014), “Thần hoá và vương quyền qua bút pháp vu sử trong bộ Đại Việt sử kí toàn thư”, *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo* số 11 (137), tr. 100-112
15. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
16. Trần Nho Thìn (2011), Tiếp cận tác phẩm trong chương trình phổ thông trung học có liên quan đến văn hoá chính trị cổ trung đại, Tài liệu tập huấn phát triển chuyên môn giáo viên trường trung học phổ thông chuyên Môn Ngữ văn, Hà Nội
17. Tư Mã Thiên (2007), *Sử kí*, Nxb Văn hoá Thông tin Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây.
18. Lã Bất Vi (2009), *Lã Thị Xuân Thu*, Nxb Lao động Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông tây
19. Trần Ngọc Vương (1999), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội